

Mang Yang, ngày 07 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ;

UBND huyện Mang Yang báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2020 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

#### I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện.

- Ban hành Quyết định số: 736/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc ban hành chương trình THTK CLP năm 2020 huyện Mang Yang, trong đó yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện đảm bảo các quy định, chế độ hiện hành, THTK, CLP. Đồng thời, chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt và triển khai đầy đủ các quy định, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về THTK, CLP; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành của tỉnh kiểm tra, giám sát hiệu quả, chất lượng trong việc mua sắm tài sản và thi công công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

- Tập trung cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC). Rà soát và cắt giảm các thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; hỗ trợ hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính, tăng cường hỗ trợ thông tin dịch vụ công trên các trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin khác.

- Các đơn vị có sử dụng kinh phí NSNN chấp hành nghiêm túc dự toán kinh phí được giao hằng năm, bố trí cán bộ làm công tác kế toán, thực hiện các chế độ báo cáo theo đúng quy định hiện hành.

- Hàng năm, UBND huyện và UBND các xã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Số liệu dự toán và quyết toán hàng năm được thực hiện đầy đủ các biểu mẫu, niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan làm việc, trên trang thông tin điện tử của huyện và báo cáo cho Sở Tài chính.

- Thông qua các cuộc họp cơ quan, hội nghị cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp đã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đều công khai, minh bạch số kinh phí chi hoạt động thường xuyên, mua sắm tài sản.

- Đã phát huy tốt vai trò của Thanh tra nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp và quần chúng nhân dân trong việc giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Hàng năm, UBND huyện đưa các tiêu chí thực hành tiết kiệm, chống lãng phí làm cơ sở bình xét đơn vị văn hóa, thôn, làng văn hóa, gia đình văn hóa và xét thi đua khen thưởng cho các cơ quan ban ngành, cán bộ, công chức, viên chức của huyện.

Thông qua các Hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật, các Hội nghị sơ, tổng kết công tác và trên các phương tiện đại chúng, UBND huyện đã triển khai quán triệt đầy đủ các quy định, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí đến cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các xã.

Các văn bản đã quán triệt và triển khai thực hiện trong năm 2020:

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

- Các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, các văn bản của tỉnh về định mức trang bị điện thoại, quản lý xe mô tô, ô tô, trang bị mua sắm tài sản, quản lý vốn đầu tư trong xây dựng cơ bản...

## II. Kết quả thực hiện:

### 1. Đánh giá kết quả đạt được theo từng lĩnh vực quy định trong Luật Thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí.

a) Trong lĩnh vực quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước:

Tổng thu ngân sách tỉnh và HĐND huyện giao: 318.304 triệu đồng, ước đến ngày 31/12/2020 thu được: 365.210 triệu đồng, đạt 115% so với dự toán tỉnh giao và HĐND huyện giao. Trong đó, thu trợ cấp đạt 116%, thu tiền sử dụng đất đạt 101%. Ngân sách huyện, xã thực hiện chi theo đúng dự toán được UBND tỉnh, HĐND huyện giao đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi tiết kiệm, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ được giao.

Triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Các cơ quan, đơn vị được giao quyền tự chủ đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, đã thực hiện theo đúng các nội dung của quy chế, tập trung vào việc quản lý chi tiêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí, góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức đồng thời đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao.

- Tổng số cơ quan, đơn vị hành chính đã giao quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP là 19 đơn vị.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp giao quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP là 42 đơn vị.

b) Quản lý đầu tư xây dựng:

- Đã thực hiện tốt Luật Đầu tư trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, trong việc mua sắm trang thiết bị, tài sản theo đúng chế độ quy định.

- Việc bố trí vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được phân bổ, đảm bảo bố trí vốn đầu tư đối với các dự án, công trình thực sự cần thiết, đầu tư đúng mục đích, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm vốn.

- Năm 2020 đã thực hiện chỉ định thầu 41 gói thầu, chào hàng cạnh tranh 03 gói thầu.

c) Trong quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ:

+ Các cơ quan, ban ngành, các xã đã thực hiện đúng quy định về mua sắm tài sản cố định, về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đảm bảo trang bị đúng mục đích, đúng nhu cầu và đúng đối tượng.

+ Các đơn vị được trang bị phương tiện đi lại sử dụng phục vụ cho công việc chung của đơn vị, đảm bảo đúng định mức, đúng quy định.

+ Sử dụng trụ sở làm việc đúng mục đích, thường xuyên sửa chữa để tránh việc xuống cấp, lãng phí.

d) Trong quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên thiên nhiên:

- Việc quản lý, sử dụng đất đai đã được giao, cho thuê đối với các cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở tiết kiệm tài nguyên đất, bố trí không gian hợp lý và thực hiện theo đúng kế hoạch.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách giao đất, giao rừng, giao khoán quản lý bảo vệ rừng. Thực hiện kiểm tra chặt chẽ hoạt động khai thác, chế biến gỗ, phát hiện và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý khoáng sản, ngăn chặn và phát hiện khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn huyện. Năm 2020, số lượng vụ việc vi phạm giảm so với năm 2019 (từ 09 vụ năm 2019 xuống 07 vụ năm 2020) với tổng số tiền nộp phạt vi phạm hành chính là 23.400.000 đồng.

e) Công tác đào tạo, quản lý sử dụng lao động:

- Cán bộ công chức, viên chức, người lao động có đủ năng lực, trình độ chuyên môn và được bố trí đúng chuyên môn được đào tạo. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đã nghiêm chỉnh chấp hành giờ giấc, tác phong làm việc đúng theo quy định.

- Công tác cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng luôn được huyện quan tâm, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, đối tượng và gắn với công tác quy hoạch cán bộ.

g) THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân:

- Trong sản xuất và tiêu dùng của nhân dân cho thấy đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của nhân dân về THTK, CLP, ý thức tiết kiệm trong sinh hoạt, tiêu dùng của nhân dân đã được nâng lên. Các đơn vị, địa phương đã tổ chức tuyên truyền THTK, CLP và phát động các phong trào thi đua thực hiện nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư với các hình thức phong phú, đa dạng như: phát động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", các đám cưới được tổ chức theo hình thức vui tươi, lành mạnh, an toàn, không xa hoa, lãng phí, không tổ chức phô trương; đám tang đảm bảo vệ sinh môi trường, không thủ tục rườm rà, mê tín dị đoan, không ăn uống linh đình...

- Đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân ý thức về nghĩa vụ công dân trong việc chấp hành các chủ trương; chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có tiết kiệm điện, nhiên liệu... đã tạo những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

**2. Tình hình xử lý vi phạm trong công tác thanh, kiểm tra:**

- Thực hiện kết quả xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm 2019, huyện đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị lập thủ tục thu hồi, nộp ngân sách huyện các khoản chi sai chế độ với số tiền: 27.470.986 đồng. Thu hồi theo kết luận kiểm toán năm 2019 với số tiền 102.470.000 đồng (Trong đó, phòng Nông nghiệp và PTNT nộp trả 65.486.000 đồng, Ban quản lý DAĐTxD huyện nộp trả 36.984.000 đồng).

**3. Đánh giá chung.**

UBND huyện đã triển khai nghiêm túc các chỉ đạo của cấp trên, đồng thời phát huy tinh thần dân chủ trong cơ quan, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiết kiệm, chống lãng phí đến từng cơ quan chuyên môn và mọi cán bộ công chức.

a. Ưu điểm:

- Quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước tiết kiệm, đúng quy định của pháp luật và hiệu quả.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ, công khai tài chính.

- Mua sắm, quản lý tài sản công đúng định mức, tiêu chuẩn và đúng mục đích.

- Triển khai thực hiện đúng quy định về cắt giảm kinh phí tổ chức hội nghị, kinh phí đi công tác.

- Bố trí cán bộ đúng năng lực, đảm bảo số lượng biên chế được giao, đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Sử dụng tiết kiệm kinh phí được giao để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

b. Tồn tại, hạn chế:

Các đơn vị đã có nhiều biện pháp để tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên nhưng thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức, viên chức từ nguồn kinh phí tiết kiệm được còn thấp, chưa đồng đều giữa các cơ quan đơn vị, nhất là viên chức của hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập chưa có thu nhập tăng thêm do đơn vị không tiết kiệm được kinh phí giao tự chủ. Mặt khác, tình hình diễn biến dịch covid-19 trong năm diễn biến phức tạp, học sinh được nghỉ học để phòng dịch bệnh lây lan nên nguồn thu học phí giảm (chỉ đạt 82,11%) ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các đơn vị sự nghiệp giáo dục.

Một số địa phương còn chưa thông tin rộng rãi và vận động nhân dân, nhất là người dân tộc thiểu số trong việc tổ chức lễ tang còn kéo dài ngày. Công tác thu hồi sau thanh tra, kiểm toán còn nhiều. Việc nộp trả các khoản chi không hết về tinh còn chậm.

### III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp.

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về THTK, CLP; vận động toàn thể cán bộ, nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ chủ trương về THTK, CLP, phòng chống tham nhũng gắn với việc thực hiện “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Tiếp tục thực hiện các quy định của cấp trên trong quản lý, điều hành nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021. Tiết giảm tối đa chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí hội họp, đi công tác; kiên quyết xử lý kịp thời các sai phạm.

- Tiếp tục thực hiện quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn; kiểm soát việc kê khai thuế, quyết toán thuế của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, để thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

- Tập trung bố trí vốn cho những công trình, dự án trọng điểm, thực sự bức xúc; kiên quyết không bố trí vốn cho những công trình, dự án không đảm bảo thủ tục; đình, hoãn hoặc giãn tiến độ đối với những công trình, dự án chưa thiết thực; hủy bỏ không đầu tư những công trình, dự án nếu phát hiện kém hoặc không hiệu quả.

- Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng trong nhân dân về ý thức THTK, CLP trong sản xuất và tiêu dùng, dành nguồn lực đầu tư sản xuất kinh doanh; xây dựng nếp sống văn hóa, bài trừ mê tín dị đoan, chống các hủ tục lạc hậu, xa hoa, lãng phí; tích cực tham gia các phong trào xóa đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa.

Trên đây, là các nội dung về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020, UBND huyện báo cáo để các cơ quan chức năng theo dõi, chỉ đạo.

**Nơi nhận:**

- HĐND huyện (B/c);
- L/đạo UBND huyện;
- Lưu VT.

✓

TM ỦY BAN NHÂN DÂN



Lê Trọng

## KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 40/BC-UBND ngày 07/12/2020 của UBND huyện Mang Yang)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:				610,30	-	-	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng						
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	610,30			0,00		Đến thời điểm hiện tại chưa thống kê số tiết kiệm tăng thu nhập năm 2020
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lăng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	73		73	100,00		
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lăng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	4		9	225,00		
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	23,83		27,47	115,30		
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)				28		28	100,00
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	27		28	103,70		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	1		0	0,00		
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0		0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc	0		0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng	0		0			
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
					So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án					
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	209,00	-	17,12		
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	-				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	178,83		2,12	1,19	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng					
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	30,17		15,00	49,72	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng					
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án					
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ						
	Số lượng	dự án					
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng					
<b>2</b>	<b>Trụ sở làm việc</b>						
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	82.595,00		84.786,73		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	2.384,00		2.571,14		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>	192,27		0		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>					
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>					
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng					
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>						
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	362		362	100	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>			0		
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>					
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>					
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>					
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng					
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>						
<b>V</b>	<b>Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>						
<b>1</b>	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>						
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m <sup>2</sup>					
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m <sup>2</sup>					
1.3	Số tiền phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng					
1.4	Các nội dung khác						
<b>2</b>	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	Kết quả năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	9		7	77,78		
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	16,6		23,4	140,96		
<b>3</b>	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>VI</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
<b>VII</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>							
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh</b>							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	<i>Chi phí đầu tư tiết kiệm được</i>							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2019)	Kế hoạch của năm báo cáo (2020)	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú	
					So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/dơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/dơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						